

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HS-ST

Ngày: 11/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hữu Hiệu

Thẩm phán: Ông Bùi Đăng Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định

Bà Ngô Thị Thơm

Bà Nguyễn Thị Tuyết

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Hải Long - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Như Sáng, ông Phạm Duy Thơi - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 32/TB-TA ngày 03 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Đỗ Vĩnh H**, sinh năm 1994 tại thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nơi đăng ký thường trú: Số F C, đường N, Khu N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở: P Tòa nhà C, Chung cư T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Đỗ Cường T và bà Nguyễn Thị M; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 200 ngày 25/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Đỗ Vĩnh H 09 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản, H đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/01/2017, nộp xong 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ngày 16/01/2017; bị tạm giữ từ ngày 28/12/2022 đến ngày 31/12/2022, chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

2. **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1990 tại huyện G, tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký thường trú: Thôn Q, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn Q và bà Vũ Thị X; có vợ đã ly hôn, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

- Bản án số 54 ngày 24/12/2008 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xử phạt Đ 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 (giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4 triệu đồng), Đ nộp xong 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm ngày 13/7/2009.

- Bản án số 05 ngày 17/3/2009 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xử phạt Đ 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 (tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.500.000 đồng), tổng hợp với Bản án số 54 ngày 24/12/2008, Đ chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2008. Đ chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/3/2011, bồi thường xong cho người bị hại 500.000 đồng và nộp xong 100.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm ngày 20/4/2009.

- Bản án số 19 ngày 28/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xử phạt Đ 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS (giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.100.000 đồng dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự), Đ chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/12/2012, nộp xong 200.000 đồng án phí HSST ngày 07/3/2012.

- Bản án số 28 ngày 06/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xử phạt Đ 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS (giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 8 triệu đồng), Đ chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/6/2014, nộp xong 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm ngày 13/3/2015.

- Bản án số 70 ngày 02/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xử phạt Đ 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS 1999 (giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 8.657.000 đồng), Đ chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/7/2016, nộp xong 200.000 đ án phí HSST ngày 13/3/2015.

- Bản án số 52 ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang xử phạt Đ 27 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS 1999 (giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.255.000 đồng), Đ chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/01/2020, nộp xong 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm ngày 13/8/2018.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 187 ngày 28/8/2017 của Công an huyện G xử phạt Đ 2.500.000 đồng về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác, Đ nộp xong số tiền phạt nêu trên ngày 07/9/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2022 đến ngày 30/12/2022, chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Vĩnh H:*

Luật sư Lê Minh T1 - Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh H; địa chỉ: Số B, Khu A, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Luật sư Phạm Tuấn L và Nguyễn Hữu H1 - Công ty L2, Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Số E phố V, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Đ*: Luật sư Lê Minh T1 - Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh H; địa chỉ: Số B, Khu A, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Chu Văn V, chị Nguyễn Thị T2; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2022, Phạm Văn Đ quen biết Đỗ Vĩnh H và biết H có ma túy tổng hợp loại Ketamine và K (MDMA) bán. Ngày 27/12/2022, Đ thuê xe taxi, biển số 98A-265.21 của anh Chu Văn V, sinh năm 1976, trú tại thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang chở Đ từ nhà ở thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang đến nhà H ở tầng 11 Phòng 1102, Tòa nhà CT4, Chung cư T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh để mua ma túy. Khi đến nơi, anh V đợi dưới xe còn Đ đi lên gặp và mua của H 01 túi Ketamine giá 20 triệu đồng và 100 viên ma túy tổng hợp dạng kẹo màu hồng giá 12 triệu đồng. Cùng ngày, Đ nhờ bạn gái là chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1996, trú tại xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang dùng tài khoản số 1012778334 mở tại ngân hàng V1 chuyển 17 triệu đồng và tài khoản số 1211199699 mở tại ngân hàng M1 chuyển 14 triệu đồng đến tài khoản số 19001010762520 ngân hàng MSB của H. Sau khi mua được ma túy, Đ cất vào túi bên trái áo khoác đang mặc, đi xe taxi của anh V đến tỉnh Hải Dương mục đích để bán số ma túy vừa mua của H. Hồi 17 giờ ngày 27/12/2022, Đ bảo anh V dừng xe ở Km 6+900 đường 62 mét, thuộc địa phận thôn P, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương, khi Đ vừa xuống xe thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H phát hiện bắt quả tang, thu giữ trong túi bên trái áo khoác của Đ đang mặc 01 túi nilon màu trắng, kích thước khoảng (10x15)cm, bên trong có 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (5x10)cm có chứa chất tinh thể rắn màu trắng và 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (5x10)cm có chứa 100 viên nén màu hồng, dạng hình chiếc khiên là ma túy. Đ khai nhận là ma túy tổng hợp, mục đích cất giấu để bán và nguồn gốc số ma túy trên do Đ mua của Đỗ Vĩnh H.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và khám xét khẩn cấp chỗ ở của H tại P, Tòa nhà C, Chung cư T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh thu giữ: 01 túi nilon màu xanh, kích thước (6x8)cm bên trong có 213 viên nén hình tròn màu đỏ; 02 viên nén hình tròn màu xanh là ma túy; 01 túi nilon màu trắng, kích thước khoảng (5x7)cm, bên trong chứa 21 viên nén màu hồng, dạng hình khiên; 01 túi nilon màu trắng, kích thước khoảng (4x6)cm, bên trong chứa 11 viên nén màu xám, hình tròn; 06 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng; 01 căn cước công dân mang tên Đỗ Vĩnh H; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Z Filip 4, có lắp sim thuê bao số 0866.626.211; 01 túi vải thổ cẩm kích thước khoảng (10x15)cm có khóa kéo, 01 túi nilon, kích thước (10x20)cm, bên trong chứa nhiều nhiều vỏ túi nilon của H. H khai nhận toàn bộ số ma túy thu giữ đều là ma túy tổng hợp do H mua của đối tượng chưa rõ nhân

thân, lý lịch tại nút giao thông T, phường V, thành phố B, mục đích H cất giấu ma túy để bán.

Tại Kết luận giám định số 51/KL-KTHS ngày 30/12/2022, Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận:

- Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong túi nilon màu trắng được niêm phong trong phong bì ghi thu của Phạm Văn Đ, gửi đến giám định khối lượng là: 17,742 gam là ma túy, loại Ketamine.

- 100 viên nén có hình “chiếc khiên” màu hồng trong túi nilon màu trắng được niêm phong trong phong bì ghi thu của Phạm Văn Đ, gửi đến giám định tổng khối lượng là: 50,875 gam là ma túy, loại MDMA.

- 213 viên nén hình tròn màu đỏ được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1, ghi thu tại nơi ở của Đỗ Vĩnh H, gửi đến giám định tổng khối lượng là: 21,729 gam là ma túy, loại Methamphetamine.

- 02 viên nén hình tròn màu xanh được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1, ghi thu tại nơi ở của Đỗ Vĩnh H, gửi đến giám định tổng khối lượng là: 0,179 gam là ma túy, loại Methamphetamine.

- 21 viên nén có hình “chiếc khiên” màu hồng trong túi nilon màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2, ghi thu tại nơi ở của Đỗ Vĩnh H, gửi đến giám định tổng khối lượng là: 10,620 gam là ma túy, loại MDMA.

- 11 viên nén hình tròn màu xám trong túi nilon màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3, ghi thu tại nơi ở của Đỗ Vĩnh H, gửi đến giám định tổng khối lượng là: 4,421g là ma túy, loại MDMA.

- Chất bột (dạng tinh thể) màu trắng trong 06 túi nilon màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M4, ghi thu tại nơi ở của Đỗ Vĩnh H, gửi đến giám định tổng khối lượng là: 16,650g là ma túy, loại Ketamine.

Đối tượng sau giám định được hoàn lại trong 05 (Năm) phong bì ký hiệu theo thứ tự T, T1, T2, T3, T4 đều niêm phong số: 51/KL-KTHS.

Tại Kết luận giám định số 9138/KL-KTHS ngày 06/01/2023, V2 Bộ C kết luận:

- Mẫu chất bột màu trắng trong 11 (mười một) túi nilon màu cam, bên ngoài có ghi dòng chữ nước ngoài, ghi thu của Đỗ Vĩnh H gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine, MDMA, Nimetazepam; tổng khối lượng mẫu là 11,955gam. Trong đó: Khối lượng chất ma túy Methamphetamine, MDMA, Nimetazepam có trong 11,955gam mẫu lần lượt là 0,406gam; 5,487gam và 0,286gam.

Tại Cáo trạng số 36/CT-VKS-P1 ngày 24/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Đỗ Vĩnh H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Văn Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Vĩnh H và Phạm Văn Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Đỗ Vĩnh H, xử phạt Đỗ Vĩnh H 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28/12/2022; áp dụng điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn Đ 16 năm 06 tháng đến 17 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/12/2022; hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Đỗ Vĩnh H và Phạm Văn Đ mỗi bị cáo từ 10.000.0000 đồng đến 15.000.000 đồng sung quỹ nhà nước; về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự: tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định, tịch thu cho hủy bỏ một túi thổ cẩm, trả lại cho bị cáo căn cước công dân; tịch thu của bị cáo H 31.000.000 đồng sung quỹ nhà nước; tịch thu chiếc điện thoại di động của bị cáo H cho phát mại, sung quỹ nhà nước. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Đ đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo chưa thu lời từ việc mua bán ma túy.

Các luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày lời bào chữa, đồng ý về tội danh và điều khoản, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát truy tố và luận tội đối với các bị cáo tại phiên tòa. Luật sư Lê Minh T1 đề nghị áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đ 14 năm tù. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 (bị cáo có hoàn cảnh gia đình và kinh tế khó khăn, bố mẹ ly hôn từ khi bị cáo 08 tháng tuổi, mẹ bị cáo bị ung thư ác tính), khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H 18 năm tù. Luật sư Phạm Tuấn L và Nguyễn Hữu H1 đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc hoàn cảnh gia đình, điều kiện của bị cáo H như Luật sư Lê Minh T1 đã trình bày để áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo H để thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2]. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, các kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 14 giờ 30 phút, ngày 27/12/2022, tại chỗ ở của Đỗ Vĩnh H, địa chỉ P, Tòa nhà C, Chung cư T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, H bán cho Phạm Văn Đ 17,742 gam Ketamine và 50,875 gam MDMA với giá 32.000.000 đồng. Đến hồi 17 giờ cùng ngày, Đ thuê xe taxi đi đến K+900 Đường 62m thuộc địa phận thôn P, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương mục đích để bán số ma túy vừa mua được thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy nêu trên. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đỗ Vĩnh H thu giữ 213 viên nén hình tròn màu đỏ là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 21,729 gam; 02 viên nén hình tròn màu xanh là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,179 gam; 21 viên nén màu hồng, dạng hình khiên là ma túy, loại MDMA, khối lượng 10,62 gam; 11 viên nén màu xám, hình tròn là ma túy, loại MDMA, khối lượng 4,421 gam; 06 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 16,650 gam và 11 túi nilon màu cam, bên ngoài có ghi dòng chữ nước ngoài, bên trong chứa chất bột màu trắng, tổng khối lượng là 11,955gam, là ma túy tổng hợp gồm các chất ma túy: Methamphetamine trọng lượng 0,406gam, MDMA trọng lượng 5,487gam và Nimetazepam trọng lượng 0,286gam. Toàn bộ số ma túy trên H cất giấu mục đích để bán kiếm lời.

Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đặc biệt lớn đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rất rõ quy định của pháp luật về việc cấm mua bán trái phép các chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện vì tư lợi. Trong vụ án này, H phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy H bán cho Đ cùng với số ma túy H cất giấu tại chỗ ở là: 22,314 gam Methamphetamine, 71,405 gam MDMA, 34,392 gam Ketamine và 0,286 gam Nimetazepam. Đ đồng phạm với H và phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng ma túy là: 17,742 gam Ketamine và 50,875 gam MDMA. Hành vi của bị cáo Đỗ Vĩnh H đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Phạm Văn Đ đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3]. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi cơ quan điều tra bắt quả tang bị cáo Đ, kết hợp với việc sao kê tài khoản, bị cáo Đ đã thành khẩn khai nhận tội, thừa nhận mua ma túy của bị cáo Đ. Đây là việc bị cáo thành khẩn khai nhận tội, đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Đ về việc áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ chấp nhận. Bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn Hội đồng xét xử xem xét về đặc

điểm nhân thân của bị cáo khi quyết định hình phạt, đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo về việc áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về nhân thân: Bị cáo H đã một lần bị kết án, bị cáo Đ đã 06 lần bị kết án và 01 lần bị xử lý hành chính mặc dù đều đã được xóa án tích, hết thời hạn bị coi là bị xử lý hành chính tuy nhiên xác định các bị cáo có nhân thân không tốt.

[5]. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Xét hoàn cảnh kinh tế các bị cáo khó khăn, không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Với số lượng ma túy các bị cáo thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Số ma túy thu giữ của các bị cáo được hoàn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành; các vỏ túi nilon và chiếc túi thổ cẩm thu giữ của bị cáo H là vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy; chiếc điện thoại di động kèm sim thu giữ của bị cáo H là phương tiện sử dụng mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước; Căn cước công dân thu giữ của bị cáo H là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo sử dụng theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7]. Về biện pháp tư pháp: Số tiền bị cáo Đ đã trả cho bị cáo H là 31.000.000 đồng là tiền H có được do phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[8]. Về án phí: Các bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Những vấn đề khác:

Về nguồn gốc số ma túy H khai mua của 01 người đàn ông tại nút giao thông T, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lý lịch người này nên không có căn cứ để xử lý.

Khi chị Nguyễn Thị T2 chuyển tiền hộ Đ để trả tiền mua ma túy của H và anh Chu Văn V lái xe taxi không biết việc Đ thuê xe đi mua bán ma túy cơ quan điều tra, truy tố không đặt ra hình thức xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Vĩnh H;

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Đ;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

2. Về tội danh

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Vĩnh H và Phạm Văn Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

3. Hình phạt chính

Xử phạt bị cáo Đỗ Vĩnh H 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/12/2022.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 16 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2022.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

5. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu của bị cáo Đỗ Vĩnh H 31.000.000 đồng tiền thu lời bất chính sung quỹ nhà nước.

- Tịch thu của bị cáo Đỗ Vĩnh H cho phát mại sung quỹ nhà nước 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Z Filip 4, màu đen, có số IMEI 1: 35318544194257; số IMEI 2: 358325551942450 có lắp sim thuê bao số 0866.626.211 đã qua sử dụng;

- Tịch thu cho hủy bỏ toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định đựng trong các phong bì niêm phong, cụ thể: 01(một) bì thư niêm phong dán kín, nguyên vẹn số 51/KLGĐ-PC09 (bên trong đựng 17,042 gam Ketamine, 47,815 gam MDMA hoàn lại sau giám định, 03 vỏ túi nilon), ký hiệu T; 01(một) bì thư niêm phong dán kín, nguyên vẹn số 51/KLGĐ-PC09 (bên trong đựng 20,745 gam Methamphetamine, 01 vỏ túi nilon màu xanh, 01 vỏ phong bì), ký hiệu T1; 01(một) bì thư niêm phong dán kín, nguyên vẹn số 51/KLGĐ-PC09 (bên trong đựng 9,101 gam ma túy loại MDMA, 01 vỏ túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì), ký hiệu T2; 01(một) bì thư niêm phong dán kín, nguyên vẹn số 51/KLGĐ-PC09 (bên trong đựng 3,621 gam MDMA, 01 vỏ nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì), ký hiệu T3; 01(một) bì thư niêm phong dán kín, nguyên vẹn số 51/KLGĐ-PC09 (bên trong đựng 15,480 gam Ketamine, 06 vỏ túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì), ký hiệu T4; 01(một) bì thư niêm phong dán kín, nguyên vẹn số 9138/KL-KTHS của V2 Bộ C (bên trong chứa 10,670 gam mẫu vật có chứa Methamphetamine, MDMA, Nimetazepam và 11 vỏ túi nilon màu cam); 01 (một) túi nilon bên trong đựng nhiều vỏ túi nilon; 01(một) túi vải thổ cẩm kích thước khoảng (10x15)cm có khóa kéo.

- Trả lại bị cáo Đỗ Vĩnh H 01 (một) Căn cước công dân mang tên Đỗ Vĩnh H số CCCD: 027094012717.

Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương

6. Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Vĩnh H và Phạm Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TANDTC;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT-CA tỉnh Hải Dương;
- CQTHAHS - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNVCS Công an tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu